

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 22/4/2024		●	
Tuần 22/4-26/4/2024	●		
Tháng 04/2024	●		

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 18 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,174.85 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 18/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Xây dựng và vật liệu dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Dịch vụ tài chính, Bất động sản,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Phiên giảm điểm hôm nay có thanh khoản tương đối lớn, lực mua và lực bán có dấu hiệu cân sức tại ngưỡng 1,175. Trong những phiên tới, chỉ số khả năng tiếp tục giằng co quanh ngưỡng này. Trong trường hợp xấu, chỉ số có thể giảm về ngưỡng hỗ trợ 1,150.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/04/2024, các chứng quyền biến động theo đà giảm của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-18.16** điểm, đóng cửa tại **1174.85** điểm. HNX-Index **-5.40** điểm, đóng cửa tại **220.8** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.36)**, **MSB (+0.13)**, **QCG (+0.08)**, **TCM (+0.07)**, **VCF (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-2.16)**, **CTG (-1.42)**, **FPT (-0.86)**, **BCM (-0.66)**, **GVR (-0.54)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,434** tỷ đồng, tăng **31.96%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,658 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 24.97 điểm. Thị trường có **137** mã tăng, 57 mã tham chiếu, **348** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **679.77** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (93.57 tỷ)**, **DIG (90.77 tỷ)**, **VND (89.41 tỷ)**, **HPG (81.91 tỷ)**, **VCI (67.08 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-43.45** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.75%**. Các mã diễn biến tích cực: **BID (+0.52%)**.
- BSC50 **-2.77%**. Các mã diễn biến tích cực: **MSB (+1.89%)**, **VTP (+1.61%)**, **PHR (+1.47%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.75%	-2.77%	-1.52%	-1.38%
1 tuần	-7.03%	-9.11%	-6.55%	-5.76%
1 tháng	1.34%	0.33%	1.71%	2.14%
3 tháng	11.41%	9.91%	6.76%	6.34%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,174.85	220.80	87.16
% 1D	-1.52%	-2.39%	-1.12%
GTGD (tỷ VND)	22,434	2,550	674
%1D	31.96%	62.94%	21.78%
GDNN (tỷ VND)	679.77	-43.45	15.30

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	93.57	MWG	-97.90
DIG	90.77	SHB	-76.69
VND	89.41	VIC	-60.61
HPG	81.91	HDB	-58.59
VCI	67.08	VHM	-44.57

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,011	-0.22%	-3.61%
FTSE100	7,838	-0.50%	-1.97%
Eurostoxx	4,327	-0.19%	-1.33%
Shanghai	3,065	-0.29%	1.52%
Nikkei	37,091	-2.53%	-6.26%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

Giá dầu Brent	88.03	1.27%
Giá vàng	2,379	0.76%

Tỷ giá

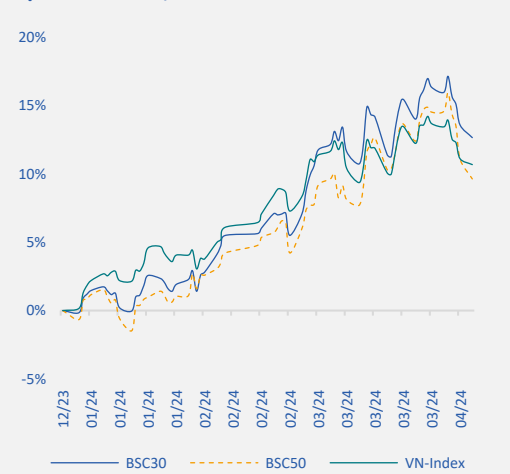
USD/VND	25,473	0.13%
EUR/VND	27,749	0.53%
JPY/VND	169	1.20%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	2.9%	0.00%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	48.10	0.52%	0.36	2.17
MSB	13.20	1.89%	0.13	10.24
QCG	16.70	6.89%	0.08	3.47
TCM	41.35	6.89%	0.07	1.41
VCF	215.80	3.80%	0.06	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SZB	39.20	9.69%	0.50	0.18
TKU	16.00	10.00%	0.33	0.00
HTP	13.60	5.15%	0.27	1.08
DHT	26.70	2.25%	0.20	0.18
PGS	29.00	3.10%	0.18	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TCM	41.35	6.89%	0.07	1.41
QCG	16.70	6.89%	0.08	3.47
PSH	4.69	6.82%	0.01	1.14
SCD	12.20	6.56%	0.00	0.00
TTE	10.00	6.50%	0.00	0.00

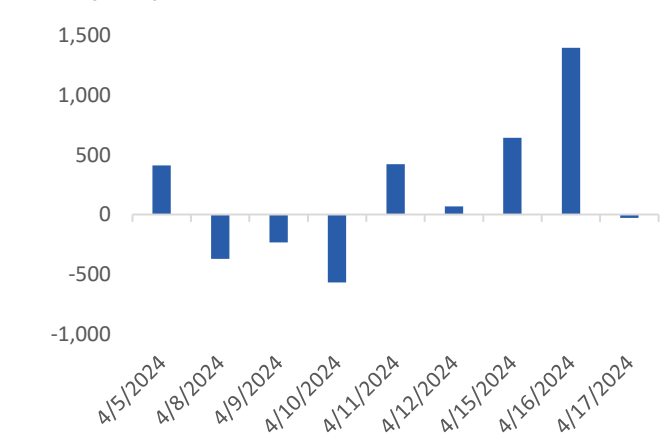
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CET	6.00	10.00%	0.02	0.03
TKU	16.00	10.00%	0.33	0.00
TTH	4.00	10.00%	0.07	1.09
ATS	9.10	9.89%	0.01	0.00
ARM	26.70	9.74%	0.04	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	45.00	-5.33%	-2.16	3.76
CTG	32.70	-3.36%	-1.42	13.14
FPT	111.80	-2.50%	-0.86	7.85
BCM	54.30	-4.97%	-0.66	1.15
GVR	28.65	-1.92%	-0.54	5.88

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SHS	18.60	-6.45%	-3.62	44.93
IDC	54.50	-4.95%	-3.36	3.37
CEO	19.00	-6.84%	-2.47	14.57
MBS	27.00	-5.19%	-2.30	8.30
VIF	16.90	-8.28%	-1.78	0.00

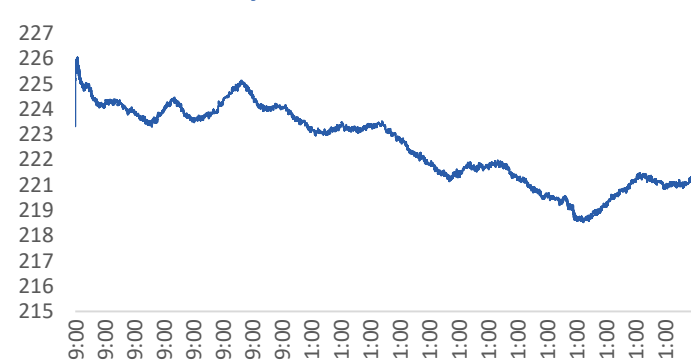
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGD	37.20	-6.99%	-0.06	0.03
BMP	113.20	-6.98%	-0.15	0.81
RDP	5.17	-6.96%	0.00	0.73
DXV	5.61	-6.95%	0.00	0.01
CRC	6.33	-6.95%	-0.01	0.27

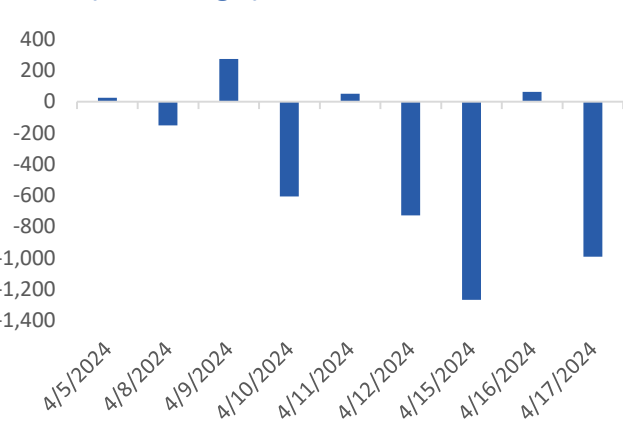
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HAT	52.00	-10.00%	-0.06	0.00
VGS	27.00	-10.00%	-0.51	3.14
NBW	28.80	-9.72%	-0.11	0.00
HHC	82.50	-9.70%	-0.47	0.00
LAS	21.70	-9.68%	-0.85	3.76

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	90.5	0.00%	0.7	19,914	4.7	5,910	15.3	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	48.4	0.50%	1.0	10,851	4.1	3,772	12.8	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	18.1	-0.30%	1.0	5,654	10.9	1,257	14.4	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	44.5	-0.80%	1.2	6,171	25.3	5,111	8.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	22.7	-1.70%	1.1	4,725	25.2	3,966	5.7	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	26.8	0.00%	1.0	1,989	24.3	4,094	6.5	31,200	22.5%	Link
CTG	Ngân hàng	31.6	-3.40%	1.1	6,681	16.2	3,706	8.5	19,100	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	26.6	-0.60%	0.9	4,068	11.4	4,131	6.4	42,500	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	33.2	-3.50%	1.2	1,973	38.6	1,529	21.7	45,900	43.2%	Link
IDC	BĐS KCN	51.8	-5.00%	1.0	673	6.7	4,223	12.3	-	17.6%	Link
HPG	VLXD	27.8	-0.70%	1.3	6,364	28.6	1,176	23.7	23,300	24.5%	Link
HSG	VLXD	19.6	-2.20%	1.6	474	10.1	1,321	14.8	79,900	22.1%	Link
VHM	BĐS	41.5	-0.70%	1.2	7,114	20.5	7,664	5.4	38,900	22.4%	Link
KDH	BĐS	33.0	-2.90%	1.4	1,038	5.5	895	36.9	44,100	38.0%	Link
NLG	BĐS	36.0	-5.30%	1.2	545	6.7	1,257	28.6	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	108.0	-2.80%	1.6	1,615	13.3	8,163	13.2	85,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	30.5	-2.40%	1.4	636	3.6	2,095	14.6	41,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	75.0	-0.10%	0.6	6,782	2.6	5,053	14.8	36,000	2.6%	Link
PVS	Dầu khí	38.4	-0.50%	0.7	723	15.5	2,148	17.9	110,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	29.3	-0.20%	1.2	641	8.3	1,052	27.8	45,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	10.6	-3.20%	0.8	977	3.6	443	23.9	38,500	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	69.5	-0.70%	1.2	614	1.5	4,914	14.1	29,000	32.2%	Link
GMD	Logistics	80.0	-0.60%	1.1	978	5.2	7,357	10.9	14,500	48.2%	Link
VNM	Bán lẻ	64.2	0.00%	0.7	5,282	11.4	4,246	15.1	81,700	53.9%	Link
MSN	Bán lẻ	66.5	-0.40%	1.5	3,746	12.5	293	227.3	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	48.2	-2.40%	1.6	2,775	18.0	115	420.4	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	91.5	-1.10%	0.7	1,205	6.1	6,010	15.2	83,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	53.5	-3.80%	1.7	352	6.8	2,121	25.2	90,900	23.4%	Link
FPT	Công nghệ	109.0	-2.50%	0.8	5,450	23.0	5,091	21.4	57,000	49.0%	Link
CTR	Công nghệ	112.2	-5.50%	1.0	505	3.3	4,510	24.9	108,000	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	22.2	-3.30%	0.8	2,551	8.3	3,482	6.4	1.4	19.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.1	-1.90%	1.3	2,107	7.4	3,376	6.3	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	16.6	-2.40%	1.2	1,439	5.5	2,027	8.2	1.1	29.8%	13.7%
MSB	Ngân hàng	13.4	1.90%	1.3	1,059	4.9	2,322	5.8	0.9	30.0%	16.0%
EIB	Ngân hàng	16.5	-2.10%	1.0	1,131	5.9	1,244	13.3	1.3	1.8%	10.1%
HCM	Chứng khoán	24.8	-4.80%	1.3	689	11.7	1,475	16.8	1.4	41.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	45.0	-0.20%	1.7	775	18.4	1,124	40.0	2.7	21.7%	7.1%
VND	Chứng khoán	18.9	-2.30%	1.5	906	16.5	1,660	11.4	1.4	22.6%	13.1%
BID	Ngân hàng	48.4	0.50%	1.0	10,851	4.1	3,772	12.8	2.3	17.3%	20.3%
SHS	Chứng khoán	17.4	-6.50%	1.7	557	30.7	688	25.3	1.4	13.2%	5.7%
LCG	Xây dựng	11.3	0.40%	1.5	84	2.6	546	20.7	0.8	2.1%	4.6%
HUT	Xây dựng	16.8	-1.80%	1.6	590	2.9	53	317.7	1.3	1.6%	0.7%
CTD	Xây dựng	61.0	-4.70%	0.8	240	3.6	1,894	32.2	0.7	44.3%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.5	-4.90%	1.3	203	4.8	782	16.0	0.6	6.7%	4.2%
C4G	Xây dựng	9.5	-3.10%	1.4	-	0.5	365	26.0	0.9	0.0%	4.9%
DIG	BĐS KCN	27.4	-4.90%	1.7	658	42.0	195	140.7	2.1	5.2%	2.1%
CEO	BĐS KCN	17.7	-6.80%	0.9	359	10.2	293	60.4	1.5	5.6%	2.4%
KBC	BĐS KCN	28.0	-5.10%	1.5	846	9.9	2,646	10.6	1.1	20.8%	11.7%
VGC	BĐS KCN	49.2	-3.90%	1.3	868	1.7	2,717	18.1	2.3	5.4%	12.5%
SZC	BĐS KCN	39.2	0.10%	1.4	278	2.8	1,515	25.9	2.4	3.2%	13.4%
SIP	BĐS KCN	76.5	-1.40%	1.4	548	0.8	5,098	15.0	3.5	0.3%	26.9%
PHR	BĐS KCN	55.1	1.50%	1.1	294	1.2	4,574	12.0	2.0	15.8%	18.3%
GVR	BĐS KCN	28.1	-1.90%	1.5	4,425	6.5	656	42.8	2.0	0.3%	6.2%
NKG	Vật liệu	22.0	-4.60%	1.6	228	10.5	446	49.2	1.1	16.0%	2.3%
BMP	Hóa chất	105.3	-7.00%	0.5	339	3.4	12,717	8.3	3.2	85.9%	39.1%
IJC	Bất động sản	13.6	0.00%	1.7	202	1.6	1,477	9.2	0.9	5.9%	10.3%
DXG	Bất động sản	15.6	-6.60%	1.7	443	12.2	239	65.4	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	21.3	-3.20%	1.2	1,906	7.2	1,940	11.0	1.3	31.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.2	-6.40%	1.8	762	16.7	926	28.3	2.0	7.4%	7.2%
CSV	Hóa chất	53.5	-6.10%	1.5	93	1.9	4,732	11.3	1.6	3.7%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.0	-1.60%	1.0	120	0.6	3,843	9.9	1.7	35.8%	17.2%
PLX	Dầu khí	34.6	-1.80%	0.9	1,733	0.7	2,230	15.5	1.5	17.1%	10.7%
PLC	Dầu khí	26.8	-6.00%	1.4	85	0.4	1,261	21.2	1.6	1.2%	8.4%
BSR	Dầu khí	18.0	-3.20%	1.2	-	6.7	2,790	6.5	1.0	0.8%	15.6%
DRC	Săm lốp	29.0	-1.20%	0.7	136	1.5	2,286	12.7	1.8	13.6%	13.2%
PC1	Tiện ích	24.8	-4.20%	1.3	304	4.1	450	55.2	1.1	8.5%	4.1%
HDG	Tiện ích	25.2	-3.10%	1.3	303	2.4	2,175	11.6	1.1	22.8%	12.9%
GEX	Tiện ích	19.7	-1.50%	1.9	660	16.2	388	50.8	0.8	12.6%	4.1%
QTP	Tiện ích	15.2	-1.30%	0.7	-	0.4	1,360	11.2	1.3	1.2%	10.8%
REE	Tiện ích	58.0	-3.30%	0.9	933	3.6	5,354	10.8	1.1	49.0%	13.9%
ANV	Thủy sản	28.8	-2.50%	1.3	151	1.7	294	97.8	1.3	3.0%	1.5%
PTB	Thủy sản	62.0	1.30%	0.8	163	0.8	3,851	16.1	1.5	20.9%	10.6%
PVT	Logistics	24.2	-2.00%	0.8	339	2.8	3,005	8.1	0.9	12.3%	14.3%
VSC	Logistics	19.4	-3.00%	1.3	204	2.6	927	20.9	0.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	38.0	-0.80%	1.4	158	3.3	3,648	10.4	1.3	3.9%	12.1%
VTP	Logistics	69.3	1.60%	1.2	332	5.0	3,119	22.2	5.3	9.4%	25.6%
DBC	Bán lẻ	26.0	-6.00%	1.4	248	10.4	103	251.6	1.3	4.5%	0.5%
FRT	Bán lẻ	141.0	0.00%	0.7	756	2.7	(2,537)	-55.6	11.2	36.2%	11.8%
QNS	Bán lẻ	45.5	-1.10%	0.7	-	1.4	6,117	7.4	1.9	15.5%	27.3%
DPM	Phân bón	31.2	-4.00%	1.2	481	3.6	1,327	23.5	1.1	10.0%	4.2%
TNG	Dệt may	19.7	-1.50%	0.9	88	1.5	1,917	10.3	1.2	18.6%	12.5%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
6	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
7	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
8	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

trangnt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website	BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh	BSC Trụ sở chính
http://www.bsc.com.vn	Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tel: +84 8 3821 8885 Fax: +84 8 3821 8510	Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội Tel: +84 4 3935 2722 Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639